TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 19/5/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Minh Huệ

2. ông Phan Vũ Anh Kiệt

Thư ký phiên toà: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05A/2020/QĐST-DS ngày 23.7.2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 96/2020/QĐST-DS ngày 17.8.2020 và Thông báo mở phiên tòa ngày 19.8.2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Công H – sinh năm 1987
Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Nhật A – sinh năm 1987. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 9, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: + Ông Trần Văn S - sinh năm 1990. Vắng mặt.
HKTT: Khu phố 1, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Chỗ ở: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
+ Bà Phan Thị Tuyết M – sinh năm 1987. Vắng mặt.
HKTT: Khu phố 4, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Chỗ ở: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phí Đức T - sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Bắc Đồng Hải, xã Đông Vinh, huyện Đ. H, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Đ – sinh năm 1958. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Trần Thị D – sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Trần Ngọc B – sinh năm 1982. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Trần Thị L – sinh năm 1963. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 9, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Võ Thị Diễm T – sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, đại diện của nguyên đơn bà Võ Nhật A trình bày:**

Vào ngày 20.8.2016, ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M có mượn của bà H số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.8.2017, lãi suất 1%/tháng, hai bên có làm hợp đồng cho vay tiền và cùng ký tên.

Cùng ngày 20.8.2016, ông S bà M có mượn thêm của bà H số tiền 78.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.8.2016, lãi suất 1%/tháng, hai bên có làm hợp đồng cho vay tiền và cùng ký tên.

Tổng cộng số tiền mà ông S bà M vay của bà Hạnh là 428.000.000 đồng. Theo hợp đồng cho vay tiền thì hiện nay đã quá thời hạn nhưng ông S bà M vẫn chưa trả tiền gốc và lãi cho bà H.

Nay bà H yêu cầu ông S bà M phải trả tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 20.8.2016 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày do hoàn cảnh bị đơn khó khăn nên xem xét cho bị đơn số tiền 25.000.000 đồng trừ vào nợ gốc, mức lãi suất yêu cầu là 0,83 %/tháng tính từ ngày 20.8.2016 đến ngày xét xử 19.5.2021.

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M trình bày:

Tháng 01.2013 ông S có ghi kèo đá banh do bà Phạm Thị Công H làm chủ kèo, tổng cộng số tiền thua kèo là 428.000.000 đồng, ông S không có tiền trả, bà H buộc phải trả tiền lời hàng tháng là 42.800.000 đồng. Ông S đã trả tiền lời từ tháng 01.2013 đến tháng 7.2016 là 31 tháng: 1.326.680.000 đồng, do không có tiền trả nữa nên ông S xin tiền lời. Tháng 8.2016 bà H không lấy tiền lời được nên làm giấy nợ và ông S xin trả dần bà H đồng ý.

Tháng 9.2016 bà H dắt bà M đến nhà bà T (là người quen của H) mượn 90.000.000 đồng và bà H đã trừ vào tiền nợ trên. Bà M phải trả góp cho bà T mỗi ngày 1.000.000 đồng.

Tháng 11.2016 bà H nhờ bà T chơi dùm 01 phần huê cho bà M để hốt trả bớt tiền cho H (huê chơi của bà D), tiền huê hốt được 127.950.000 đồng và trả cho bà H là 100.000.000 đồng, còn 27.950.000 đồng bà M lấy trả tiền thuê nhà.

Tháng 12.2016 bà M hốt tiếp 01 phần huê của bà D trả cho bà H được 142.000.000 đồng, bà M trả cho T 30.000.000 đồng đóng huê chết, 30.000.000 đồng H qua nhà D ứng 25.000.000 đồng bà M đồng ý và bà D đưa cho bà H, bà D chồng huê cho bà M là 57.200.000 đồng, M lấy 17.200.000 đồng, còn 40.000.000 đồng trả cho bà H. Tổng số tiền bà M đã trả cho bà H là 255.000.000 đồng, số tiền còn lại do má của bà H là bà Đ ra lấy hàng ngày là 200.000 đồng, bà M trả từ ngày 21.8.2016 đến ngày 21.8.2017 được 72.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ không ra lấy tiền nữa mà nhờ bà L ra lấy mỗi ngày là 100.000 đồng, bà M trả từ ngày 22.8.2017 đến ngày 22.11.2018 được 15 tháng là 45.000.000 đồng. Sau đó bà Đ nhờ cháu là T (B) ra lấy tiền, lấy từ ngày 23.11.2018 đến ngày 23.4.2019 là 05 tháng mỗi ngày lấy 100.000 đồng, tổng cộng bà M trả là 15.000.000 đồng. Từ ngày 24.4.2019 bà M xin trả dần mỗi tuần là 500.000 đồng trả đến ngày 19.01.2020 là 18.500.000 đồng (37 tuần). Đến ngày 08.3.2020 phía bà H lấy tiền tiếp đến ngày 14.4.2020 là được 05 tuần là 2.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mà vợ chồng bà M ông S đã trả cho bà H là 408.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng nữa là hết thì bà H có nói bà M ký khống dùm cho bà H là 1.500.000.000 đồng thì bà H sẽ xóa nợ và cho bà M thêm 50.000.000 đồng, nhưng bà M không đồng ý và nói bà M sẽ kiện ra Tòa để lấy lại số tiền 428.000.000 đồng.

Bà M ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Đ là mẹ của bà H, bà Đ không quen biết với vợ chồng bà M ông S. Bà Đ khai không lấy tiền từ bà M để đưa cho bà H, ông B không biết việc bà M thiếu tiền của bà H. Tại phiên tòa, bà Đ có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị D trình bày:

Bà D có quen biết bà H, nhưng không quen biết bà M. Thông qua bà Phương Thị M có chơi 01 phần huê do bà D làm chủ, gồm 21 người tham gia, một tháng 10.000.000 đồng, hốt chót 200.000.000 đồng. Bắt đầu chơi huê từ tháng 6/2016 âm lịch, M hốt huê vào ngày 10.12.2016 (AL), số tiền hốt huê được 142.200.000 đồng, nhưng M đã ứng trước 10.000.000 đồng, đến ngày 13.01.2017 dương lịch bà D có giao tiền hốt huê cho M ngay tại nhà bà D và M có trả tiền cho Phạm Thị Công H số tiền 25.000.000 đồng, trả bà T 30.000.000 đồng, trả tiền huê chết cho bà T là 10.000.000 đồng, M đóng tiền huê chết của dây huê trước của bà D là 10.000.000 đồng. Việc M trả tiền cho H thì bà D nghe bà L – chị của bà H kể là do S – chồng M thiếu nợ H, chứ không biết nợ tiền gì. Trước khi quen biết M thì P có chơi của D

một phần huê, nhưng khi đóng tiền thì M lên đóng, lúc này D mới biết là do bà P chơi huê dùm M, bà D có hỏi bà L thì nghe nói do chồng M chơi cá độ đá banh thiếu tiền của P. Đối với dây huê này M có nợ tiền huê chết của D là 70.000.000 đồng, hiện chưa trả nhưng bà D không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Tại phiên tòa, bà D vắng mặt.

+ Ông Trần Ngọc B trình bày:

Ông B có bà con với bà H, ông B không quen biết với vợ chồng bà M ông S. Ông B khai không lấy tiền từ bà M để đưa cho bà H, ông B không biết việc bà M thiếu tiền của bà H. Tại phiên tòa, ông B có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị L trình bày:

Bà L là dì ruột của bà H, bà L không quen biết với vợ chồng bà M ông S. Bà L khai không lấy tiền từ bà M để đưa cho bà H, bà L không biết việc bà M thiếu tiền của bà H. Tại phiên tòa, bà L có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Diễm T: Quá trình giải quyết bà T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến nộp Tòa án. Tại phiên tòa, bà T vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền vay là 428.000.000 đồng, phía bị đơn thừa nhận số nợ này là do ông S có ghi kèo đá banh do bà Phạm Thị Công H làm chủ kèo, tổng cộng số tiền thua kèo là 428.000.000 đồng và đã trả tiền lãi 1.326.680.000 đồng và tiền gốc cho bà Hạnh là 408.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn khai không nhận số tiền 25.000.000 đồng do bà M trả bà H tiền do hốt huê tại nhà bà D, nhưng xét hoàn cảnh bị đơn khó khăn nên cho bị đơn số tiền 25.000.000 đồng để trừ vào nợ gốc và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 403.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi là 0,83%/tháng từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.5.2021 là phù hợp.

Về án phí: Ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 428.000.000 đồng là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 428.000.000 đồng và tiền lãi, thể hiện ở 02 giấy mượn tiền lập ngày 20.8.2016. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Đ, ông Trần Ngọc B, bà Trần Thị L có đơn xin xử vắng mặt; Bà Trần Thị D, bà Võ Thị Diễm T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Căn cứ vào 02 giấy mượn tiền lập ngày 20.8.2016 thể hiện: Bà Phạm Thị Công H cho ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M mượn tiền 02 lần: lần thứ nhất là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.8.2017, lãi suất 1%/tháng, hai bên có làm hợp đồng cho vay tiền và cùng ký tên; Lần thứ hai là 78.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.8.2016, lãi suất 1%/tháng, hai bên có làm hợp đồng cho vay tiền và cùng ký tên. Tổng cộng số tiền mà ông S bà M vay của bà H là 428.000.000 đồng. Phía bị đơn khai rằng ông S có ghi kèo đá banh do bà Phạm Thị Công H làm chủ kèo, tổng cộng số tiền thua kèo là 428.000.000 đồng, ông S không có tiền trả, bà H buộc phải trả tiền lời hàng tháng là 42.800.000 đồng. Ông S đã trả tiền lời từ tháng 01.2013 đến tháng 7.2016 là 31 tháng: 1.326.680.000 đồng, do không có tiền trả nữa nên ông S xin tiền lời. Tháng 8.2016 bà H không lấy tiền lời được nên làm giấy nợ và ông S xin trả dần bà H đồng ý, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, phía bị đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh. Như vậy, căn cứ vào 02 giấy mượn tiền ngày 20.8.2016 mà nguyên đơn cung cấp thì thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, giấy mượn tiền lập ngày 20.8.2016 giữa các bên là hợp pháp.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn khai đã trả tiền cho nguyên đơn nhiều lần tổng cộng là 408.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, phía bị đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh, ông S và bà M cùng ký tên vào giấy mượn tiền nên đây là nợ chung của ông bà. Ngoài ra, theo lời khai của bà M khai có hốt huê của bà D trả cho bà H số tiền 25.000.000 đồng tại nhà bà D và có bà D làm chứng, nhưng tại phiên tòa, phía dại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận bà H có nhận số tiền 25.000.000 đồng do bà M trả. Nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn có xem xét hoàn cảnh của bị đơn hiện nay khó khăn nên bớt cho bị đơn số tiền 25.000.000 đồng trừ

vào nợ gốc, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 403.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy mượn tiền lập ngày 20.8.2016, không thể hiện mức lãi suất cụ thể, chỉ ghi "Tiền lãi đã thỏa thuận". Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.5.2021 là 57 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận

Từ ngày 20.8.2016 đến ngày 19.5.2021 là 57 tháng, cụ thể: 403.000.000 đồng x 0,83% x 49 tháng = 190.659.000 đồng.

Vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là: 593.659.000 đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng). Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 593.659.000 đồng cho bà Phạm Thị Công H là phù hợp.

[4] **Về án phí:** Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 262, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 288, Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền 593.659.000 đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Văn S và bà Phan Thị Tuyết M phải chịu 27.746.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền 13.898.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022620 ngày 10.01.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/5/2021).Riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn